

VN-Index
1010,22 +0,42% ↑ 251 72 ↓ 167

XU HƯỚNG DÒNG TIỀN



VN-Index tăng phiên thứ 9 liên tiếp +4,25 điểm (+0,42%) đóng cửa tại 1.010,22 vượt mức 1010 điểm. Dòng tiền tiếp tục giảm nhẹ so với phiên liền trước tuy nhiên vẫn duy trì được ở mức cao: GTGD lên đến 9869 tỷ (446 triệu cổ phiếu so với mức trung bình 20 phiên là 393 triệu cổ phiếu). Thị trường duy trì trạng thái luân phiên bùng nổ xoay vòng và đưa chỉ số tiếp tục tiến lên, độ rộng thị trường đã nghiêng về phe mua với 251 CP tăng giá với tổng GTGD là 5.192,7 tỷ đồng so với 167 CP giảm với tổng GTGD chỉ đạt 1962,8 tỷ đồng. Nhóm cổ phiếu lớn tăng giá nâng đỡ thị trường hôm nay có HPG BCM, VCB, HDB, MBB, MWG... Các nhóm ngành có dòng tiền tích cực là Tài nguyên cơ bản (+2,03%), Bán lẻ (+2,01%), Bảo hiểm (+1,64%) Hàng cá nhân và gia dụng (+1,53%)... Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng nhẹ 71,74 tỷ đồng. Dòng tiền tiếp tục duy trì ở mức độ cao trên 9.800 tỷ ủng hộ xu hướng tăng giá của thị trường.

Hnx-Index
148,17 -0,15% ↑ 82 76 ↓ 72

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



VN-Index đóng phiên tăng điểm với một cây nến xanh đặc thanh khoản cao duy trì trên 400 triệu cổ phiếu, đóng cửa ở mức giá gần cao nhất trong ngày chính thức vượt qua vùng 1.010 điểm. Nhóm cổ phiếu lớn tiếp tục tăng điểm hỗ trợ thị trường. Nhóm ngân hàng VCB, MBB, đặc biệt là HDB tăng trần cùng với cổ phiếu lớn khác như BCM MWG tiếp tục bùng nổ đi lên. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng nhẹ 71,74 tỷ cho thấy xu hướng bán ròng chưa chấm dứt. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn duy trì sự tích cực, tuy nhiên đang các chỉ báo động lượng như RSI, Stochastic đã đi vào vùng quá mua. Một phiên giao dịch được đánh giá là tích cực với xu hướng tăng của thị trường. Mục tiêu chinh phục tiếp theo sẽ là vùng kháng cự quanh 1.030 điểm. Vùng hỗ trợ được nâng lên 1000 điểm.

CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

VN-Index đã bứt phá ra khỏi vùng kháng cự tâm lý 1.000 điểm, kết phiên tại mức 1.010 điểm. Xu hướng ngắn hạn của thị trường tiếp tục là tăng điểm. Nguy cơ đảo chiều xu hướng đã giảm xuống, tuy nhiên chỉ số đã tăng liên tục 9 phiên, các nhóm cổ phiếu cũng đã tăng mạnh. Vì thế khuyến nghị của chúng tôi là tiếp tục nắm giữ danh mục và canh chốt lời nếu thị trường có dấu hiệu suy yếu. Chúc anh chị một ngày giao dịch tốt lành!

Analyst: Lê Nguyễn Đình Huỳnh. Email: Huynh.le@vfs.com.vn

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ KHUYẾN NGHỊ

| STT | Mã cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mua | Ngày mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Giá bán | Ngày bán | Tỷ lệ % | Ghi chú |
|-----|-------------|--------------|---------|------------|--------------|------------|---------|----------|---------|---------|
| 1 | HPG | 36,25 | 22,9 | 5/8/2020 | 30,5 | 20 | | | 58,3% | |
| 2 | TCB | 23,7 | 23 | 20/10/2020 | 26 | 20,9 | | | 3,0% | |
| 3 | DXG | 14,2 | 11,9 | 4/11/2020 | 15 | 11 | | | 19,3% | |
| 5 | CTG | 34,5 | 30,3 | 4/11/2020 | 38 | 28 | | | 13,9% | |
| 6 | VSC | 48,1 | 42,1 | 4/11/2020 | 48 | 38 | | | 14,3% | |
| 7 | PHR | 63,5 | 57,1 | 4/11/2020 | 70 | 54 | | | 11,2% | |
| 8 | MWG | 115,5 | 106,1 | 11/11/2020 | 120 | 102 | | | 8,9% | |

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ CHÓT

| STT | Mã cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mua | Ngày mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Giá bán | Ngày bán | Tỷ lệ % | Ghi chú |
|-----|-------------|--------------|---------|----------|--------------|------------|---------|----------|---------|-----------------------------------|
| 1 | REE | 36.9 | 33.8 | 05-08-20 | 38 | 32.7 | 37.2 | 31-08-20 | 10.1% | Gần giá mục tiêu, KC mạnh |
| 2 | FPT | 49.5 | 46.3 | 05-08-20 | 53 | 43.5 | 50.3 | 31-08-20 | 8.6% | Cổ tức 10% TM 17/08/20 |
| 3 | VHC | 38.1 | 36.6 | 13-08-20 | 34.3 | 23.5 | 38.8 | 31-08-20 | 6.0% | Tăng tỷ trọng tiền mặt |
| 4 | CMX | 14.9 | 13.64 | 13-08-20 | 19 | 14 | 15.2 | 31-08-20 | 11.4% | CP thưởng 10:1 ngày 26/08/2020 |
| 5 | VCB | 83.6 | 82 | 13-08-20 | 63 | 41.2 | 84.5 | 07-09-20 | 3.0% | Tăng tỷ trọng tiền mặt |
| 6 | PHR | 56.5 | 53.2 | 13-08-20 | 42 | 35 | 58 | 31-08-20 | 9.0% | Tăng tỷ trọng tiền mặt |
| 7 | SJS | 22.9 | 22.2 | 24-08-20 | 28 | 21 | 23 | 04-09-20 | 3.6% | Tăng tỷ trọng tiền mặt |
| 8 | PLX | 52.5 | 46.9 | 24-08-20 | 65 | 45 | 53.1 | 31-08-20 | 13.2% | Tăng tỷ trọng tiền mặt |
| 9 | PVB | 17.9 | 16.3 | 24-08-20 | 24 | 15 | 18.1 | 31-08-20 | 11.0% | Cổ tức 10% tiền mặt 24/09/2020 |
| 10 | MBB | 17.7 | 17.4 | 24-08-20 | 24 | 17 | 18.05 | 07-09-20 | 1.7% | CP có dấu hiệu suy yếu |
| 11 | PVD | 11.3 | 10.55 | 24-08-20 | 19 | 10 | 11.55 | 04-09-20 | 9.5% | Tăng tỷ trọng tiền mặt |
| 12 | PVS | 12.7 | 12.2 | 24-08-20 | 24 | 11.5 | 12.9 | 04-09-20 | 5.7% | Tăng tỷ trọng tiền mặt |
| 13 | CTD | 76.2 | 78.2 | 24-08-20 | 111 | 75 | 76 | 01-09-20 | -2.6% | Cổ tức 30% 28/08/2020, CP suy yếu |
| 14 | MSN | 54.6 | 52.8 | 24-08-20 | 65 | 48.5 | 56.6 | 07-09-20 | 7.2% | CP có dấu hiệu suy yếu |
| 15 | GEX | 25.95 | 21.3 | 25-08-20 | 28 | 20 | 25.95 | 07-09-20 | 21.8% | Đã tăng hơn 20% kể từ điểm mua |

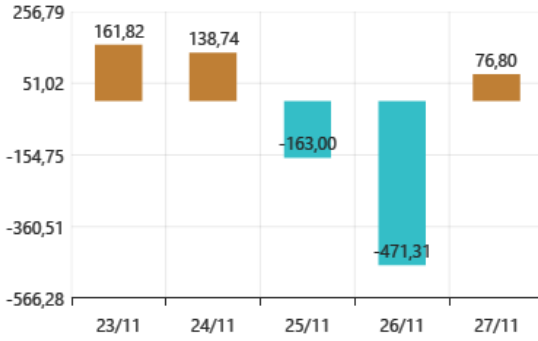
DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ CHÓT

| STT | Mã cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mua | Ngày mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Giá bán | Ngày bán | Tỷ lệ % | Ghi chú |
|-----|-------------|--------------|---------|------------|--------------|------------|---------|------------|---------|--|
| 16 | VEA | 44.3 | 43.5 | 25-08-20 | 60 | 40 | 45 | 04-09-20 | 3.4% | Tăng tỷ trọng tiền mặt |
| 17 | DHC | 45 | 44.4 | 09-09-2020 | 50 | 43.5 | 45.7 | 23-09-20 | 2.9% | CP có dấu hiệu suy yếu, tăng tỷ trọng tiền mặt |
| 18 | VIC | 93 | 91.2 | 14/09/2020 | 110 | 90 | 94 | 25/09/2020 | 3.1% | Tăng tỷ trọng tiền mặt |
| 19 | KDH | 24.2 | 24.4 | 22/09/2020 | 28 | 23.8 | 24.35 | 25/09/2020 | -0.2% | Cổ phiếu suy yếu & TT rủi ro |
| 20 | VNM | 127.7 | 110 | 5/8/2020 | 132 | 103.5 | 127.7 | 25/09/2020 | 16.1% | Tăng tỷ trọng tiền mặt |
| 21 | MPC | 31.2 | 26.7 | 25/8/2020 | 34 | 25.5 | 31.8 | 25/09/2020 | 19.1% | Tăng tỷ trọng tiền mặt |
| 22 | KDC | 36.5 | 34.9 | 9/9/2020 | 39 | 32.5 | 37 | 29/09/2020 | 6.0% | Thị trường chung xấu |
| 23 | VRE | 27.8 | 28.75 | 23/09/2020 | 35 | 27.3 | 28 | 29/09/2020 | -3.3% | Thị trường chung xấu |
| 24 | MWG | 104.3 | 76.5 | 5/8/2020 | 112 | 71.44 | 104.3 | 30/09/2020 | 36.3% | Chốt lời bảo toàn lợi nhuận |
| 25 | PNJ | 61.2 | 59.6 | 14/09/2020 | 78 | 58 | 61.2 | 05/10/2020 | 2.7% | Thị trường rủi ro |
| 26 | CTR | 45.6 | 41.4 | 14/09/2020 | 48 | 40.5 | 45.90 | 08/10/2020 | 10.9% | Thị trường rủi ro |
| 27 | DCM | 12.4 | 12.5 | 4/11/2020 | 15 | 11.3 | 12.50 | 18/11/2020 | 0% | Cổ phiếu không hiệu quả |
| 28 | DPM | 17.2 | 17 | 4/11/2020 | 21 | 16.3 | 17.2 | 20/11/2020 | 1.2% | Cổ phiếu không hiệu quả |
| 29 | CTR | 62.9 | 47.5 | 4/11/2020 | 70 | 46 | 62.9 | 25/11/2020 | 32.4% | Đạt mục tiêu lợi nhuận 30% |
| 30 | DGC | 47.9 | 45.4 | 11/11/2020 | 56 | 43.5 | 47.9 | 25/11/2020 | 5.5% | Hạ tỷ trọng cổ phiếu |

TIN TỨC NỔI BẬT

GIAO DỊCH NƯỚC NGOÀI TRÊN HSX

Giao dịch NĐTNN - Ngày



Giá trị mua ròng (Tỷ VND)

Giá trị bán ròng (Tỷ VND)



"Sức hút" của năng lượng tái tạo

Nhịp cầu Đầu tư | 2020-11-27T00:00:00

Dự báo của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (CTS), năng lượng tái tạo sẽ có tốc độ tăng trưởng bình quân gần 20% trong 10 năm tới.

CTS vừa công bố báo cáo dự báo ngành điện sản xuất từ năng lượng tái tạo phi thủy điện tại Việt Nam. Báo cáo cũng dự báo tiềm năng phát triển ngành năng lượng tái tạo tại Việt Nam. “Nhà đầu tư đang có cơ hội gia nhập thị trường có định giá ước tính 714 tỉ USD”, CTS nhận định.

Trong đó điện mặt trời: 280 tỉ USD, điện gió: 434 tỉ USD. CTS đánh giá đây là sân chơi quy mô lớn với thời gian phát triển nhanh dài hơn 25 năm. Tỷ suất IRR (tỷ lệ hoàn vốn nội bộ) cao hơn đối với điện mặt trời và thấp hơn với điện gió. IRR cao nhất điện áp mái dân dụng tới 36%.

Theo đánh giá của CTS, đây là thị trường tiềm năng không nên bỏ lỡ của nhà đầu tư xây dựng, mua – bán và ngân hàng, các tổ chức tài chính tham gia tài trợ dự án nhất là đối với điện mặt trời.

CTS dự báo năng lượng tái tạo sẽ có tốc độ tăng trưởng bình quân gần 20% trong 10 năm tới, gấp hơn 2 lần tốc độ tăng trưởng bình quân ngành điện khoảng 9%. Nguyên nhân chủ yếu là từ chuyển hướng chiến lược, giảm tỉ trọng nhiệt điện than và tăng sản xuất điện từ năng lượng tái tạo (chủ yếu là mặt trời và gió). Dự báo tới năm 2030, tỉ trọng công suất phát từ năng lượng tái tạo sẽ vượt qua điện than.

Theo CTS, Việt Nam có thể đối mặt với sự thiếu hụt gia tăng nhu cầu điện năng và tiêu thụ trong thập kỷ tới, điều này sẽ đẩy mạnh phát triển nhanh công suất nguồn phát.

“Chúng tôi tin rằng Chính phủ sẽ ưu tiên phát triển lĩnh vực hỗ trợ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ và ổn định của đất nước, trong bối cảnh nguy cơ thiếu điện ngày càng gia tăng. Chúng tôi dự báo công suất điện trong Việt Nam sẽ tăng trưởng trung bình hàng năm 10,5% từ năm 2020 đến năm 2030”, CTS nhận định.

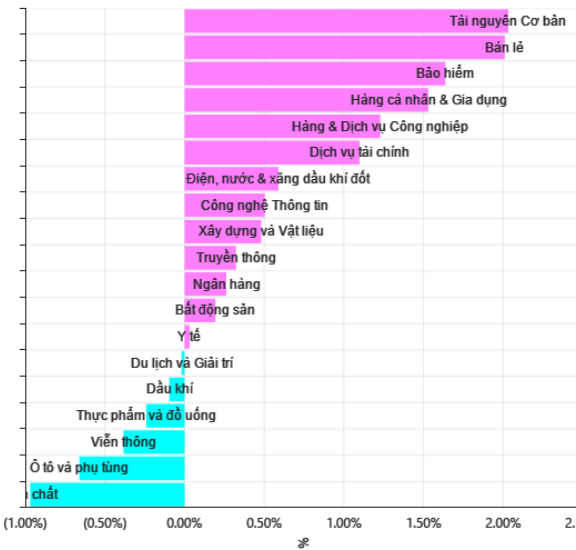
Trong bối cảnh này, CTS kỳ vọng việc mở rộng quy hoạch điện của Việt Nam sẽ thúc đẩy sự phát triển của năng lượng tái tạo. Ước tính của CTS từ 2020-2030, tăng trưởng nguồn năng lượng mặt trời là 12,8% và điện gió là 34,2%. Khí tự nhiên vẫn sẽ là nguồn sản xuất điện quan trọng của Việt Nam, chiếm 18,8% tổng nguồn điện vào năm 2030.

Đối với thủy điện, vào cuối năm 2019, các đập thủy điện lớn đã có mực nước thấp kỷ lục do sự thay đổi thời tiết trong quốc gia có khả năng đe dọa đến sản lượng thủy điện vào năm 2020.

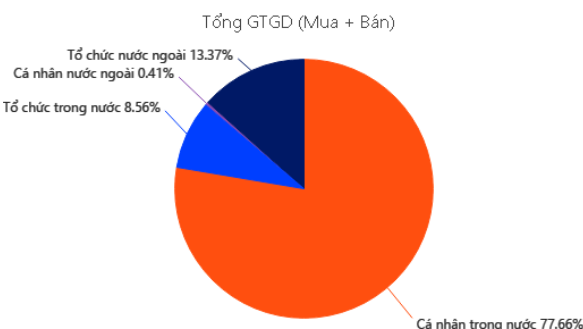
CTS kỳ vọng mức tăng nhẹ đối với sản xuất thủy điện trong thập kỷ tới và tỉ trọng thủy điện trong nguồn phát điện sẽ giảm dần xuống còn khoảng 18,1% năm 2030 từ mức ước tính 36,2% vào năm 2020, với sự gia tăng nhanh chóng của các nguồn năng lượng tái tạo.

CTS dự báo năng lượng tái tạo phi thủy điện sẽ tăng trưởng mạnh mẽ, đạt trên 7,3 GW vào cuối năm 2020, và 42,5 GW vào cuối năm 2030, phù hợp với môi trường pháp lý ngày càng hỗ trợ cho ngành cùng với tiềm năng năng lượng tái tạo ngoài thủy điện chưa được khai thác. CTS cũng kỳ vọng rằng công suất năng lượng tái tạo phi thủy điện sẽ tăng trưởng với tốc độ mạnh mẽ ở mức 20% trong 10 năm tới.

TĂNG, GIẢM NGÀNH TRONG NGÀY



GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ



THỐNG KÊ TRONG NGÀY

| Ngày | Mã phái sinh | +/- | Mở cửa | Đóng cửa | Thấp nhất | Cao nhất | Khớp lệnh | |
|------------|--------------|--------------|--------|----------|-----------|----------|-----------------------|------------------|
| | | | | | | | Khối lượng (Hợp đồng) | Giá trị (tỷ VNĐ) |
| 27/11/2020 | VN30F2012 | 4.30 (0.44%) | 970.2 | 974.5 | 975.9 | 967.2 | 91 | |
| 27/11/2020 | VN30F2101 | 3 (0.31%) | 710 | 723 | 732 | 966.6 | 190 | |
| 27/11/2020 | VN30F2103 | 14 (1.46%) | 709,9 | 720 | 725,9 | 967.0 | 57 | |
| 27/11/2020 | VN30F2106 | 3.90 (0.40%) | 710 | 716 | 724,8 | 964.0 | 12 | |

| TOP 5 TĂNG GIÁ HSX | | | | | TOP 5 GIẢM GIÁ HSX | | | | |
|--------------------|--------|------------|-----------|---------------|--------------------|--------|---------------|-----------|---------------|
| Mã | Giá ĐC | +/- | KLGD (CP) | GTGD (Tr VNĐ) | Mã | Giá ĐC | +/- | KLGD (CP) | GTGD (Tr VNĐ) |
| BCM | 42,9 | 2,8/6,98% | 343460 | | HDB | 21,45 | -4,05/-15,88% | 10500540 | |
| POM | 11,5 | 0,75/6,98% | 24970 | | NNC | 43 | -6/-12,24% | 75790 | |
| CVT | 51,5 | 3,35/6,96% | 853420 | | TDP | 31,5 | -3,5/-10% | 411430 | |
| HRC | 44,6 | 2,9/6,95% | 420 | | SFC | 22,9 | -1,7/-6,91% | 340 | |
| HDG | 29,25 | 1,9/6,95% | 3960830 | | TPC | 7,79 | -0,57/-6,82% | 1270 | |

| TOP 5 TĂNG GIÁ HNX | | | | | TOP 5 GIẢM GIÁ HNX | | | | |
|--------------------|--------|------------|-----------|---------------|--------------------|--------|-------------|-----------|---------------|
| Mã | Giá ĐC | +/- | KLGD (CP) | GTGD (Tr VNĐ) | Mã | Giá ĐC | +/- | KLGD (CP) | GTGD (Tr VNĐ) |
| ACM | 0,8 | 0,1/14,29% | 150600 | | APP | 3,6 | -0,4/-10% | 500 | |
| ARM | 43 | 3,9/9,97% | 1100 | | FID | 0,9 | -0,1/-10% | 34100 | |
| ADC | 17,8 | 1,6/9,88% | 32600 | | VSM | 14,6 | -1,6/-9,88% | 100 | |
| SDN | 23,6 | 2,1/9,77% | 100 | | HEV | 13,3 | -1,4/-9,52% | 2000 | |
| IDC | 29,5 | 2,6/9,67% | 1150000 | | NGC | 2 | -0,2/-9,09% | 2800 | |

| TOP MUA RÒNG HSX | | | | | TOP BÁN RÒNG HSX | | | | |
|------------------|--------|---------------|-----------|---------------|------------------|--------|--------------|-----------|---------------|
| Mã | Giá ĐC | +/- | KLGD (CP) | GTGD (Tr VNĐ) | Mã | Giá ĐC | +/- | KLGD (CP) | GTGD (Tr VNĐ) |
| VJC | 119 | -1,1/-0,92% | 232840 | 27850994 | VNM | 109,8 | -0,1/-0,09% | -794420 | -86701054 |
| VCB | 94,5 | 0,5/0,53% | 286610 | 26855107 | VRE | 27,75 | -0,15/-0,54% | -1391770 | -38615418 |
| HPG | 36,25 | 1,15/3,28% | 597540 | 21506827 | MBB | 20 | 0,5/2,56% | -1808270 | -35600691 |
| HDB | 21,45 | -4,05/-15,88% | 865190 | 18106346 | VIC | 105,2 | -0,9/-0,85% | -249640 | -26306019 |
| BID | 42,45 | -0,15/-0,35% | 207600 | 8835962 | LPB | 12,25 | 0,00/0,00% | -2149630 | -26279345 |

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ CỦA VIETFIRST

Hệ thống khuyến nghị của VFS được xây dựng dựa trên sự chênh lệch giữa giá cổ phiếu thị trường tại thời điểm đánh giá và giá mục tiêu 12 tháng

| Hệ thống khuyến nghị | Diễn giải |
|----------------------|--|
| MUA | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 15% trở lên |
| THEO DÕI | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 5 – 15% |
| NẮM GIỮ | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường không quá 5% |
| BÁN | Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường tối thiểu 5% |

© CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT (VFS)

Hội sở Hồ Chí Minh

Tòa nhà Central Park, lầu 1, 117 - 119 - 121 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q. 1, TP. HCM

Điện thoại: **(84-8) 62556586** Fax: **(84-8) 62556580**

Website: www.vfs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 9B, Tòa nhà Leadvisor place, 41A Lý Thái Tổ, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: **(84-4) 39288222** – Ext: **117** Fax: **(84-4) 39338222**

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt (VFS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VFS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VFS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VFS.